

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 25)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 24/05/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định và 04 dự án Khu Tái định cư - Dân cư thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A tại Phân khu 7, Khu kinh tế Nhơn Hội;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Tờ trình số 131/TTr-HĐBT ngày 13/12/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân có đất ở, tài sản bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 25), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **16.852.793.703 đồng** (*Mười sáu tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 16.522.346.768 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 330.446.935 đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)*

2. Bố trí tái định cư cho 11 hộ dân đủ điều kiện tại Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A.

*(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)*

\* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

**Điều 2.** Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**



**Phụ lục số 01**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỀ THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH  
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 25)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)					Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )	Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ 200m <sup>2</sup> theo đơn giá đất ở (đồng)	Hỗ trợ 50% giá đất vườn (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống							
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	p	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5	7	
1	Nguyễn Trọng Phước, vợ Trần Thị Chính	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	8	14	T + Vườn	6.231,2	6.231,2	400,0	4.208,0	200,0	1.423,2	783.049.600	200.000.000	250.000.000	798.832.800	49.500.000	2.081.382.400	868.910.545	188.419.300	27.500.000	7.000.000	<b>3.173.212.245</b>	
2	Nguyễn Đình Tiên (chết), con Nguyễn Thanh Trang ĐĐKK	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	23	14	T + Vườn	3.793,5	3.793,5	400,0	2.017,0	200,0	1.176,5	594.974.750	200.000.000	250.000.000	417.009.000	49.500.000	1.511.483.750	394.225.325	54.633.700	27.000.000	7.000.000	<b>1.994.342.775</b>	
3	Nguyễn Đức Sang, vợ Lê Thị Kim Hồng	Thôn Thanh Huy 1, xã Phước An, huyện Tuy Phước	528	13	ONT+ BHK	321,3	321,3	70,0	251,3	0,0	0,0	83.920.725	0	113.085.000	0	0	197.005.725	181.304.335	6.828.900	27.000.000	7.000.000	<b>419.138.960</b>	
4	Lê Văn Cỏ, vợ Phan Thị Giã	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	436	13	ONT+ BHK	1.442,2	1.442,2	330,0	912,2	200,0	0,0	372.940.650	180.000.000	225.000.000	151.881.300	19.800.000	949.621.950	505.088.185	41.105.100	27.000.000	7.000.000	<b>1.529.815.235</b>	
5	Trần Năm (chết), con Trần Văn Minh đại diện kê khai	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	340	13	T + Vườn	2.858,5	1.530,1		1.530,1			127.380.825		0	254.761.650	0	382.142.475	18.994.530	159.110.100	0	0	<b>560.247.105</b>	
6	Nguyễn Văn Siêm	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	440	13	T + Vườn	1.204,3	740,3		540,3	200,0		44.979.975	0	218.000.000	89.959.950	0	352.939.925	53.064.806	37.518.000			<b>443.522.731</b>	

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)					Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )	Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ 200m <sup>2</sup> theo đơn giá đất ở (đồng)	Hỗ trợ 50% giá đất vườn (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống							
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	p	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5	7	
7	Trần Thị Lan	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	272	20	T + Vườn	2.745,4	2.745,4	400,0	220,0	200,0	1.925,4	405.270.600	180.000.000	99.000.000	77.063.400	0	761.334.000	65.011.332	80.072.300	27.000.000	7.000.000	940.417.632	
8	Nguyễn Thị Thành	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	342	13	T + Vườn	3.771,9	3.771,9	400,0	2.850,0	200,0	321,9	641.769.100	200.000.000	250.000.000	481.284.900	1.980.000	1.575.034.000	11.738.080	34.521.900			1.621.293.980	
9	Trần Thị Chon	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	439	13	T + Vườn	1.130,7	563,9		563,9			46.944.675		191.600.000	93.889.350		332.434.025	28.082.890	20.009.200			380.526.115	
10	Nguyễn Cửu (chết), con Nguyễn Văn Sáu đại diện kê khai	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	432	13	T + Vườn	1.741,9	1.232,2	400,0	632,2	200,0		452.630.650	200.000.000	250.000.000	105.261.300	23.760.000	1.031.651.950	421.763.982	9.765.000	27.000.000	7.000.000	1.497.180.932	
11	Huỳnh Văn Trâm	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	428	13	ONT + BHK	2.737,2	2.649,4	400,0	2.049,4	200,0		570.612.550	200.000.000	250.000.000	0	0	1.020.612.550	232.105.649	55.351.000	27.000.000	7.000.000	1.342.069.199	
12	Nguyễn Duy Đĩnh (chết), vợ Nguyễn Thị Minh	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định	177	20	T + Vườn	3.023,3	1.439,3		1.439,3			119.821.725		225.000.000	239.643.450	0	584.465.175	34.106.000	84.868.560			703.439.735	
13	Lê Văn Nhiều, vợ Nguyễn Thị Thà	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	434	13	T + Vườn	764,0	509,3	145,3	164,0	200,0		158.953.000	200.000.000	82.000.000	27.306.000	0	468.259.000	53.202.981	28.580.600			550.042.581	
14	Nguyễn Thị Diệu (chết), con Lê Công Định ĐDKK	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh.	244	20	T + Vườn	1.066,5	1.066,5	400,0	466,5	200,0		438.836.125	200.000.000	233.250.000	77.672.250	2.970.000	952.728.375	110.142.735	26.298.260	27.000.000	7.000.000	1.123.169.370	

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)					Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )	Bồi thường về đất (đồng)	Hỗ trợ 200m <sup>2</sup> theo đơn giá đất ở (đồng)	Hỗ trợ 50% giá đất vườn (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống							
a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	p	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5	7	
15	Lê Văn Điệp, vợ Trần Thị Ánh Tuyết	Phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	437	13	ONT + HNK	518,6	303,9	150,0	153,9			162.812.175	0	76.950.000	0	0	239.762.175	0	4.166.000			243.928.175	
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị BT, HT</b>					<b>33.350,50</b>	<b>28.340,40</b>	<b>3.495,3</b>	<b>17.998,1</b>	<b>2.000,0</b>	<b>4.847,0</b>	<b>5.004.897.125</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>2.713.885.000</b>	<b>2.814.565.350</b>	<b>147.510.000</b>	<b>12.440.857.475</b>	<b>2.977.741.373</b>	<b>831.247.920</b>	<b>216.500.000</b>	<b>56.000.000</b>	<b>16.522.346.768</b>	
<b>II</b>	<b>Chi phí phục vụ GPMB (2%)</b>																					<b>330.446.935</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng cộng:</b>																					<b>16.852.793.703</b>	

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0



0

0

0

**Phụ lục số 02**  
**BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỘ DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN**  
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH**  
**TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 25)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư (m <sup>2</sup> )	Khu tái định cư
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )		
1	Nguyễn Trọng Phước, vợ Trần Thị Chính	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	8	14	T + Vườn	6.231,2	6.231,2	400,0	4.208,0	200,0	1.423,2	400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
2	Nguyễn Đình Tiễn (chết), con Nguyễn Thanh Trang ĐĐKK	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	23	14	T + Vườn	3.793,5	3.793,5	400,0	2.017,0	200,0	1.176,5	400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
3	Nguyễn Đức Sang, vợ Lê Thị Kim Hồng	Thôn Thanh Huy 1, xã Phước An, huyện Tuy Phước	528	13	ONT+ BHK	321,3	321,3	70,0	251,3	0,0	0,0	70	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
4	Lê Văn Có, vợ Phan Thị Giã	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	436	13	ONT+ BHK	1.442,2	1.442,2	330,0	912,2	200,0	0,0	330	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
5	Trần Thị Lan	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	272	20	T + Vườn	2.745,4	2.745,4	400,0	220,0	200,0	1.925,4	400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
6	Nguyễn Thị Thành	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	342	13	T + Vườn	3.771,9	3.771,9	400,0	2.850,0	200,0	321,9	400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bị thu hồi KCN (m <sup>2</sup> )	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư (m <sup>2</sup> )	Khu tái định cư
								Đất ở được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được BT (m <sup>2</sup> )	Đất vườn được HT (m <sup>2</sup> )	Đất NN được BT (m <sup>2</sup> )		
7	Nguyễn Cửu (chết), con Nguyễn Văn Sáu đại diện kê khai	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	432	13	T + Vườn	1.741,9	1.232,2	400,0	632,2	200,0		400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
8	Huỳnh Văn Trạm	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	428	13	ONT + BHK	2.737,2	2.649,4	400,0	2.049,4	200,0		400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
9	Lê Văn Nhiều, vợ Nguyễn Thị Thả	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	434	13	T + Vườn	764,0	509,3	145,3	164,0	200,0		145,3	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
10	Nguyễn Thị Diệu (chết), con Lê Công Định ĐDKK	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	244	20	T + Vườn	1.066,5	1.066,5	400,0	466,5	200,0		400	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
11	Lê Văn Điệp, vợ Trần Thị Ánh Tuyết	Phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	437	13	ONT + HNK	518,6	303,9	150,0	153,9			150	Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A
<b>Tổng cộng:</b>						<b>25.133,70</b>	<b>24.066,80</b>	<b>3.495,3</b>	<b>13.924,5</b>	<b>1.800,0</b>	<b>4.847,0</b>	<b>3.495,3</b>	

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!

#REF!